

## THỦ TƯỚNG PHỦ

### ĐIỀU LỆ CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT Ở NGOẠI THÀNH

Số 599-TTg ngày 9-10-1955

Căn cứ vào những điều cần bản đã quy định trong luật cải cách ruộng đất ngày 4 tháng 12 năm 1953 ban hành do sắc lệnh số 197-SL ngày 10 tháng 12 năm 1953 và căn cứ vào đặc điểm tình hình của các vùng ngoại thành; để giải phóng nông dân, phát triển sản xuất nông nghiệp ở các vùng ngoại thành; để việc cải cách ruộng đất ở các vùng ngoại thành hợp với nhu cầu kiến thiết thành phố, phát triển công thương nghiệp, nay ban hành bản điều lệ này:

**Điều 1.** — Bản điều lệ này sẽ thi hành khi cải cách ruộng đất ở những vùng ngoại thành và những vùng định kiến thiết thành phố hay khu công thương nghiệp. Phạm vi ngoại thành được thi hành bản điều lệ này do Ủy ban hành chính khu, hoặc thành phố nghiên cứu và đề nghị Chính phủ duyệt y.

**Điều 2.** — Đối với nhân sĩ dân chủ, địa chủ kháng chiến, địa chủ thường thì trưng mua toàn bộ ruộng đất, trâu bò, nông cụ, nhà cửa thừa ở nông thôn và lương thực thừa.

Tài sản khác của họ ở nông thôn, nhà cửa của họ ở thành phố, như: tư liệu sản xuất và tài sản của họ dùng vào kinh doanh công thương nghiệp, súc vật chăn nuôi hoặc tư liệu dùng vào nghề chăn nuôi đều không đụng tới.

**Điều 3.** — Những nơi danh lam thắng cảnh di tích lịch sử đều được bảo vệ.

**Điều 4.** — Lãng tâm của gia đình địa chủ thì không xâm phạm tới; ruộng đất trong phạm vi lãng tâm không chia cho nông dân nhưng tùy theo trường hợp cụ thể, có thể giao cho nông dân sử dụng để khỏi phải bỏ hoang.

**Điều 5.** — Ruộng đất của địa chủ đi Nam thì không coi là ruộng đất vắng chủ; việc xử trí đối với những ruộng đất, trâu bò, nông cụ của địa chủ đi Nam thì sẽ tùy từng trường hợp cụ thể mà tịch thu, trưng thu, trưng mua, cũng như đối với ruộng đất, trâu bò, nông cụ của những địa chủ khác. Tài sản công thương nghiệp của họ, nếu chưa có người trông nom thì chính quyền địa phương sẽ quản lý cho đến khi nào họ trở về.

**Điều 6.** — Đối với ruộng đất phân tán của địa chủ từ ngày ban hành sắc lệnh giảm tô (14 tháng 7 năm 1949) cho đến ngày 20 tháng 7 năm 1954 thì căn cứ vào điều 5, mục 3, chương II luật cải cách ruộng đất mà xử trí.

Kể từ ngày 20 tháng 7 năm 1954 những việc phân tán ruộng đất của địa chủ đều coi là trái phép. Việc xử trí đối với số ruộng đất phân tán trái phép, sẽ căn cứ vào điều 6 mục 3 chương II luật cải cách ruộng đất mà thi

hành. Số ruộng đất đó sẽ bị tịch thu và địa chủ sẽ phải bồi thường cho những người đã mua ruộng đất phân tán.

**Điều 7.** — Thời gian thoái tô tính từ ngày hòa bình được lập lại, tức là ngày 20 tháng 7 năm 1954 chứ không tính từ 1953 như những vùng nông thôn mới giải phóng khác.

**Điều 8.** — Đối với ruộng đất, nhà cửa, trâu bò, nông cụ ở nông thôn của các nhà công thương nghiệp và các tầng lớp lao động khác sống ở thành thị thì xử trí như sau:

a) Đối với ruộng đất phát canh hoặc thuê người làm, trâu bò, nông cụ cho thuê và dùng vào nông nghiệp thì trưng mua.

b) Ruộng đất của các nhà công thương nghiệp cho phát canh nếu chưa giảm tô thì phải thoái tô.

c) Gia đình quân nhân cách mạng, liệt sĩ, cán bộ, công nhân, viên chức, người làm nghề tự do, người buôn bán nhỏ, vì bận làm nghề khác hoặc vì thiếu sức lao động, phải phát canh một số ít ruộng đất, đều không coi là địa chủ. Nhưng nếu địa phương đó thiếu ruộng đất, mà những người này đã có nghề khác đủ sống, thì trên cơ sở thương lượng thỏa thuận sẽ trưng mua một phần hoặc tất cả ruộng đất của họ. Vấn đề thoái tô đối với những người này không đề ra.

d) Xưởng tư nhân, kho tàng, các tư liệu dùng vào việc kinh doanh công thương nghiệp đều được bảo hộ, không đụng tới.

e) Những món nợ giữa địa chủ và người công thương nghiệp cho vay lẫn nhau đều không đụng tới.

**Điều 9.** — Tất cả những ruộng đất ở ngoại thành đã tịch thu, trưng thu, trưng mua thuộc phạm vi sẽ mở rộng thành phố hoặc kiến thiết công thương nghiệp đều thuộc quyền sở hữu của nhà nước. Những ruộng đất này không chia hẳn cho nông dân, mà chỉ chia cho để sử dụng cây cấy. Số ruộng đó người được chia không được cầm, bán, hoặc bỏ hoang.

Khi nào Nhà nước cần lấy ruộng đất để kiến thiết thành phố thì Nhà nước sẽ thu xếp công ăn việc làm cho những người có đất bị lấy, hoặc bù cho một số ruộng đất ở nơi khác, và sẽ bồi thường cho họ một cách thích đáng về những ruộng đất bị lấy.

**Điều 10.** — Cách chia ruộng đất để sử dụng cũng sẽ căn cứ vào các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30 chương II luật cải cách ruộng đất mà thi hành.

Trong gia đình nông dân, nếu người nào đã có một nghề nghiệp ổn định thì không tính vào số nhân khẩu được chia ruộng đất.

Đối với công nhân thất nghiệp, dân nghèo hiện đời sống khó khăn, cố khổ năng làm ruộng, nếu họ yêu cầu chia ruộng đất, thì sẽ căn cứ vào điều kiện ruộng đất ở địa phương mà chia cho họ một phần để cấy cấy.

**Điều 11.** — Tất cả những tư liệu sản xuất, như trâu bò, nông cụ, lương thực, tịch thu, trưng thu, trưng

mua được sẽ đem chia hẳn cho nông dân nghèo hiện thiếu tư liệu sản xuất trên nguyên tắc công bằng hợp lý và thuộc quyền sở hữu của người được chia.

Tất cả những nhà cửa đã tịch thu, trưng thu, trưng mua được, trừ những công trình kiến trúc lớn, những biệt thự lớn, những nhà mà Chính phủ cần dùng, còn lại bao nhiêu đều đem chia hẳn cho nông dân và thuộc quyền sở hữu của người được chia.

**Điều 12.** — Đối với địa chủ không có nguồn thu hoạch khác hoặc nguồn thu hoạch khác rất ít, không đủ sống thì sẽ chia cho những nhân khẩu của gia đình họ ở nông thôn một phần ruộng đất tương đương với phần được chia của nông dân để sử dụng cây cấy. Gia đình địa chủ đã có nghề khác làm nguồn sống thì không được chia.

**Điều 13.** — Hồ lớn, nhỏ, tịch thu, trưng thu, trưng mua được đều thuộc quyền sở hữu của Nhà nước. Sẽ tùy theo vị trí và diện tích của các hồ đó mà để thành phố quản lý hay giao cho các xã quản lý. Về việc sử dụng những hồ có thể xây dựng làm nơi chơi mát hoặc bơi lội thì phải theo sự hướng dẫn và quy định của Ủy ban hành chính thành phố hoặc Ủy ban hành chính khu.

**Điều 14.** — Đối với tất cả ruộng đất hoang có thể cấy cấy được ở ngoại thành, không phải là những nơi danh lam thắng cảnh, trong điều kiện không trở ngại đến việc kiến thiết thành phố, thì sau khi được Ủy ban hành chính thành phố đồng ý có thể chia cho nông dân không có ruộng đất hoặc có ít ruộng đất sử dụng cấy cấy.

Người khai thác trồng trọt ruộng đất hoang này được miễn thuế nông nghiệp trong ba năm.

**Điều 15.** — Sau khi cải cách ruộng đất, đối với những nông dân được chia ruộng đất của Nhà nước, Ủy ban hành chính thành phố sẽ phát giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất của Nhà nước, và đảm bảo cho họ quyền sử dụng ruộng đất ấy.

Đối với những người có ruộng đất riêng và những người được chia hẳn ruộng đất thì Ủy ban hành chính thành phố phát giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất và đảm bảo cho họ quyền sở hữu ruộng đất ấy. Mọi khế ước cũ đều hủy bỏ.

**Điều 16.** — Để tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác cải cách ruộng đất ở ngoại thành, căn cứ vào điều 32 của luật cải cách ruộng đất, Ủy ban hành chính thành phố sẽ tổ chức ra Ủy ban cải cách ruộng đất để giúp Ủy ban hành chính lãnh đạo cải cách ruộng đất ở ngoại thành.

**Điều 17.** — Ủy ban hành chính các thành phố căn cứ tình hình cụ thể ở các địa phương, căn cứ vào luật cải cách ruộng đất và các nguyên tắc trong bản điều lệ này mà quy định thêm về những điểm cụ thể. Những điều quy định này phải được chính quyền cấp trên duyệt ý trước khi thi hành.

**Điều 18.** — Ngoài những vấn đề được quy định riêng trong bản điều lệ này, những vấn đề khác sẽ giải quyết theo những nguyên tắc chung của luật cải cách ruộng đất.

Ban hành ngày 9 tháng 10 năm 1955

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM-VĂN-ĐỒNG

## BẢN QUY ĐỊNH TAM THỜI VỀ VIỆC PHÂN ĐỊNH THÀNH PHẦN GIAI CẤP Ở CÁC VÙNG NGOẠI THÀNH

Số 600-TTg ngày 9-10-1955

Bổ sung bản điều lệ phân định thành phần  
giai cấp ở nông thôn  
số 472-TTg ngày 1-3-1955

Để được thích hợp với tình hình và đặc điểm của các vùng ngoại thành, để xây dựng quan hệ tốt giữa thành thị và nông thôn, trên cơ sở vạch rõ ranh giới giữa địa chủ và nông dân, chiếu cố thích đáng tới những nhà công thương nghiệp có ruộng đất cho phát canh, nay bổ sung thêm một số điểm dưới đây về việc phân định thành phần giai cấp ở các vùng ngoại thành vào bản điều lệ phân định thành phần giai cấp ở nông thôn:

**I.** — Đối với những người có ruộng đất ở nông thôn, nhưng không ở nông thôn, gia đình cũng ở thành phố nguồn sống chủ yếu dựa vào một nghề nghiệp nhất định ở thành phố, thì nói chung không quy định thành phần ở nông thôn; nhưng họ vẫn phải chấp hành đúng chính sách ruộng đất (thoái tô, trưng mua ruộng đất, v.v...) như đã quy định trong điều 8 của bản điều lệ cải cách ruộng đất ở ngoại thành.

Trường hợp người có nghề nhất định ở thành phố lại có nhiều ruộng đất ở nông thôn mà nguồn sống của gia đình chủ yếu dựa vào bóc lột về ruộng đất, hoặc phần bóc lột về ruộng đất khá quan trọng, nếu nông dân yêu cầu quy là địa chủ mà được cấp trên chuẩn ý thì quy là người làm nghề gì đó kiêm địa chủ. Đối với những người ở trường hợp này nói chung không gọi về nông thôn để vạch thành phần.

Những người tuy ở thành phố nhưng không có nghề nghiệp nhất định, hoàn toàn dựa vào bóc lột về ruộng đất ở nông thôn thì quy là địa chủ.

Đối với địa chủ từ trước đến nay vẫn ở nông thôn, mới ra thành thị từ đầu năm 1953, nói chung vẫn vạch là địa chủ. Trường hợp tuy mới ra thành phố sau 1953 nhưng đã thật sự chuyển vào công thương nghiệp, thì có thể vạch là người công thương nghiệp kiêm địa chủ hoặc tùy từng trường hợp cụ thể mà không vạch là kiêm địa chủ.

Những người công thương nghiệp kiêm địa chủ, tuân theo pháp luật, đã thoai tở cho nông dân, thì sau cải cách ruộng đất chỉ gọi là nhà công thương nghiệp mà không gọi là nhà công thương nghiệp kiêm địa chủ.